

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2591** / BNN-KTHT
V/v sơ kết thực hiện Chỉ thị số
39/2004/CT-TTg ngày 12/11/2004
của Thủ tướng Chính phủ.

Hà Nội, ngày **16** tháng **8** năm 2012

Kính gửi: UBND tỉnh..... *Đang Sơn*.....

Thực hiện Thông báo số 273/TB-VPCP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ về việc “Kết luận của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tại cuộc họp về tình hình dân di cư tự do”; trong đó Phó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương có dân di cư tự do tiến hành sơ kết việc thực hiện Chỉ thị số 39/2004/CT-TTg ngày 12/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục giải quyết tình trạng di cư tự do từ năm 2005 đến nay; đồng thời chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức sơ kết đánh giá việc thực hiện Chỉ thị trên phạm vi cả nước.

Đề nghị UBND Tỉnh chỉ đạo tiến hành sơ kết quá trình tổ chức thực hiện Chỉ thị 39/2004/CT-TTg trên địa bàn Tỉnh (theo đề cương hướng dẫn đính kèm) và gửi báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15/9/2012 để Bộ tổng hợp, chuẩn bị nội dung báo cáo Thủ tướng chính phủ tổ chức Hội nghị Sơ kết./.

(Bản mềm Báo cáo gửi theo địa chỉ mail: cao0258@yahoo.com)

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP (báo cáo);
- Bộ trưởng (báo cáo);
- Các Bộ: KHĐT, TC, QP, CA;
- UBND;
- Sở NNPTNT Tỉnh;
- Lưu VT, Cục HTHT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hoàng Văn Thắng
Hoàng Văn Thắng

ĐỀ TÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

CHỈ THỊ SỐ 39/2004/CT-TTg

(Kèm theo Công văn số 2591/BNN-KTHT ngày 16 tháng 8 năm 2012 của Bộ NNPTNT)

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 39/2004/CT-TTg ngày 12/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về “Một số chủ trương, giải pháp tiếp tục giải quyết tình trạng dân di cư tự do”;

- Đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết cơ bản tình trạng dân di cư tự do.

2. Yêu Cầu

- Các tỉnh có dân đi đánh giá kết quả chỉ đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp ổn định dân cư, hạn chế tình trạng dân di cư tự do đi nơi khác;

- Các tỉnh có dân đến đánh giá kết quả về bố trí, sắp xếp dân di cư tự do vào vùng quy hoạch; giao đất, nhập khẩu; quản lý đất đai; quản lý rừng nhằm hạn chế dân đến;

- Tổng hợp, đánh giá đầy đủ, toàn diện tình hình dân di cư tự do đi và đến từ năm 2005 đến tháng 7 năm 2012;

- Xác định số lượng (hộ - khẩu) dân di cư tự do đã được ổn định;

- Xác định số lượng dân di cư tự do cần tiếp tục phải ổn định;

- Đề xuất các phương án, biện pháp bố trí ổn định dân cư đối với nơi có dân đi và nơi có dân đến nhằm khắc phục tình trạng dân di cư tự do trong thời gian tới.

B. NỘI DUNG

I. TÌNH HÌNH DÂN DI CƯ TỰ DO TỪ NĂM 2005 ĐẾN NAY

1. Số lượng dân di cư tự do đi hoặc đến (Hộ, Khẩu); trong đó phân loại số lượng dân di cư tự do đến từ tỉnh khác và số đi, đến trong nội tỉnh;

2. Thành phần dân tộc của dân di cư tự do: (Mông:hộ - khẩu); (Tày:.....hộ -khẩu), (Nùng:hộ - khẩu)

3. Địa bàn dân đi hoặc đến, trong đó địa phương có dân đi hoặc đến nhiều nhất (.....Hộ -Khẩu);

4. Diễn biến của dân di cư tự do

- Số lượng dân đi hoặc đến qua các năm;

- Số dân di cư tự do quay về nơi ở cũ hoặc đi các địa bàn khác;

- Dự báo xu hướng năm tới.

5. Đặc điểm của dân di cư tự do

- Về đời sống: Thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo; tỷ lệ trẻ em đến lớp học; tỷ lệ mù chữ; đất sản xuất...

- Đặc điểm cư trú, tập quán canh tác;
- Vấn đề an ninh trật tự ở nơi dân đến;
- Vấn đề tín ngưỡng (số hộ theo đạo Tin Lành và các đạo khác);
- Tình hình mua bán đất đai, tranh chấp đất đai với dân sở tại.

II. TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC VÀ TIÊU CỰC CỦA DÂN DI CƯ TỰ DO

1. Tác động tích cực

- Bổ sung nguồn nhân lực cho địa phương có dân đến;
- Trao đổi kinh nghiệm làm ăn cho dân sở tại;
- Tác động tích khác.

2. Mặt tiêu cực

- Phá vỡ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội cả nơi dân đi và nơi đến;
- Phá rừng làm nương rẫy;
- Nghèo, đói; tệ nạn xã hội...

III. NGUYÊN NHÂN CỦA DI CƯ TỰ DO

1. Về kinh tế (điều kiện tự nhiên, đời sống khó khăn...);
2. Về xã hội (tập quán sản xuất, sinh hoạt)
3. Về quản lý (quản lý dân cư, tổ chức thực hiện các Chương trình phát triển kinh tế xã hội...)
4. Về chính trị (lôi kéo, kích động...)

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 39/2004/CT-TTg

1. Tình có dân đi

a) Kết quả đạt được

- Công tác chỉ đạo: Ban hành nghị quyết, chỉ thị về ổn định dân cư, hạn chế dân di cư tự do;
- Thực hiện tuyên truyền, vận động, giáo dục thuyết phục đồng bào về tác động tiêu cực của dân di cư tự do, thay đổi tập quán canh tác lạc hậu, tích cực tăng gia sản xuất, xây dựng nếp sống văn hoá;

- Kết quả thực hiện Chương trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn (nêu rõ kết quả xây dựng hạ tầng, phát triển sản xuất, vốn đầu tư, số hộ hưởng lợi), bao gồm:

+ Chương trình 135;

+ Chương trình Xoá đói giảm nghèo;

+ Chương trình giải quyết đất ở, đất sản xuất, nhà ở theo Quyết định 134/2004/QĐ của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg;

+ Các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác.

- Thực hiện công tác quản lý dân cư (phân công cán bộ bám dân, bám bản);

- Thực hiện chính sách tôn giáo, tín ngưỡng;

- Thực hiện hỗ trợ kịp thời cho các vùng khó khăn, dễ xảy ra di cư tự do;

- Phối hợp với tình có dân đến trong việc bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do.

b) Tồn tại và nguyên nhân

- Về cơ chế chính sách chưa đáp ứng yêu cầu thực tế;

- Về chỉ đạo tổ chức thực hiện các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội còn bất cập;

- Các tồn tại khác.

2. Tình có dân đến

a) Kết quả đạt được

- Công tác chỉ đạo: Ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo; phân công cán bộ phát hiện kịp thời dân di cư tự do và đề xuất biện pháp giải quyết;

- Kết quả thực hiện bố trí, sắp xếp dân di cư tự do vào vùng quy hoạch, bao gồm:

+ Số dự án đầu tư bố trí ổn định dân di cư tự do trên địa bàn được triển khai thực hiện; số hộ dự kiến bố trí ổn định; tổng vốn duyệt; đã bố trí vốn đầu tư đến năm 2012; số vốn còn thiếu;

+ Số hộ dân di cư tự do được bố trí ổn định vào vùng quy hoạch, trong đó số hộ được giao đất, nhập khẩu;

+ Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ đồng bào di cư tự do ổn định đời sống, sản xuất;

+ Kết quả xây dựng cơ sở hạ tầng các dự án bố trí dân di cư tự do; đánh giá mức độ đáp ứng của các công trình đối với sản xuất và đời sống của đồng bào;

+ Đời sống của hộ dân di cư tự do tại các dự án bố trí dân cư: bình quân đất sản xuất giao; thu nhập; nhà ở; tỷ lệ nghèo...

- Thực hiện công tác quản lý đất đai, quản lý và bảo vệ rừng; xử lý các trường hợp phá rừng, mua bán đất đai, lấn chiếm đất đai;

- Công tác tuyên truyền để người dân di cư tự do và dân sở tại chấp hành chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

b) Những tồn tại và nguyên nhân

- Về chính sách đối với đồng bào di cư tự do
- Về phối hợp của tỉnh có dân đi;
- Về vốn đầu tư;
- Tồn tại khác.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC DI CƯ TỰ DO

1. Phương hướng

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp khắc phục dân di cư tự do;
- Tập trung đầu tư cho các vùng khó khăn.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

- Thực hiện các Chương trình mục tiêu, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội;
- Quy hoạch, bố trí ổn định dân cư;
- Thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo;
- Các nhiệm vụ khác.

3. Các giải pháp

a) Nơi có dân đi

- Công tác tuyên truyền, vận động;
- Quản lý dân cư;
- Bổ sung, điều chỉnh chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội như: xây dựng kết cấu hạ tầng; bố trí ổn định dân cư; hỗ trợ phát triển sản xuất các vùng khó

khẩn, đặc biệt là chính sách hỗ trợ phát triển trồng và khoanh nuôi bảo vệ rừng, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, khuyến nông...;

- Thực hiện có hiệu quả các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu ;

- Các giải pháp khác theo thực tế của địa phương.

b) Nơi dân đến

- Công tác quản lý đất đai: mua bán, chuyển nhượng, sử dụng quỹ đất, thu hồi các diện tích đất của tổ chức, cá nhân sử dụng không hiệu quả;

- Quản lý, bảo vệ rừng; xử lý các trường hợp phá rừng;

- Quản lý dân cư trên địa bàn;

- Bố trí, ổn định các hộ dân di cư tự do chấp hành sự sắp xếp, quy hoạch của chính quyền;

- Cơ chế chính sách đối với số dân di cư tự do đến địa bàn;

- Các giải pháp khác.

VI. KIẾN NGHỊ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

.....
.....
.....
.....

BÁO CÁO DÂN Dİ CƯ TỰ DO ĐI HOẶC ĐẾN
GIÁI ĐOẠN 2005-7/2012

CÁNH ĐÓN 2005 THEO TỈNH																				
TT	ĐỊA PHƯƠNG ĐI (Huyện, Tỉnh)	ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN (huyện, tỉnh)	TỔNG SỐ		THỜI GIAN ĐI HOẶC ĐẾN															
			HỌ	KHẨU	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
					Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
	TỔNG SỐ																			
A	NGOẠI TỈNH																			
B	NỘI TỈNH																			

(Chú ý: '-Các địa phương có dân đi báo cáo số lượng dân đi và địa bàn dân đến theo từng năm;
 - Các địa phương có dân đến báo cáo số lượng dân đến và tỉnh có dân đi)

**TỔNG HỢP THÀNH PHẦN DÂN TỘC DÂN DI CƯ TỰ DO ĐI HOẶC ĐẾN
GIAI ĐOẠN 2005-7/2012**

GIẢI ĐOẠN 2005 - 2012												
STT	THỜI GIAN	ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN (huyện, tỉnh)	SỐ HỘ	Thành phần dân tộc dân di cư tự do (Hộ)								Ghi chú
				Kinh	Tày	Nùng	Thái	Mường	Dao	H' Mông	Dân tộc khác	
	TỔNG SỐ											
	Năm 2005											
	Năm 2006											
	Năm 2007											
	Năm 2008											
	Năm 2009											
	Năm 2010											
	Năm 2011											
	Năm 2012											

Chú ý đối với địa phương có dân di: Nếu không xác định được địa phương dân đến thì bỏ trống cột "địa phương đến"

**KẾT QUẢ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG Ở CÁC DỰ ÁN BỐ TRÍ
SẮP XẾP ỔN ĐỊNH DÂN DI CƯ TỰ DO GIAI ĐOẠN 2005 -7/2012**

[illegible]

Biểu 7

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH BỐ TRÍ, SẮP XẾP ỔN ĐỊNH DÂN DI CƯ TỰ DO
GIAI ĐOẠN 2012 - 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020**

STT	Danh mục	Kế hoạch giai đoạn 2012-2020 (hộ)	Kế hoạch giai đoạn 2012-2015 (hộ)	Trong đó (hộ)				Ghi chú
				Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	
	TỔNG SỐ							
	Trong đó:							
	<i>Tập trung</i>							
	<i>Xen ghép</i>							
	<i>Ổn định tại chỗ</i>							

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN BỐ TRÍ, SẮP XẾP ỒN ĐỊNH
DÂN DI CƯ TỰ DO GIAI ĐOẠN 2012 - 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

STT	Danh mục	Kế hoạch bố trí vốn đầu tư giai đoạn 2012- 2020	Kế hoạch bố trí vốn đầu tư giai đoạn 2012- 2015	Trong đó				Ghi chú
				Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	
	TỔNG SỐ							
	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN							
	SỰ NGHIỆP KINH TẾ							
	<i>Trong đó:</i>							
I	Ngân sách Trung ương							
1	Vốn sự nghiệp kinh tế							
2	Vốn đầu tư phát triển							
II	Ngân sách địa phương							
1	Vốn sự nghiệp kinh tế							
2	Vốn đầu tư phát triển							
III	Vốn huy động khác							
1	Vốn sự nghiệp kinh tế							
2	Vốn đầu tư phát triển							